

Số: **6352**/TCHQ-VNACCS

Hà Nội, ngày **29** tháng 10 năm 2013

V/v hướng dẫn cài đặt phần
mềm đầu cuối hải quan phục vụ
chạy thử Hệ thống
VNACCS/VCIS

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Thực hiện Công văn số 6277/TCHQ-VNACCS ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Tổng cục Hải quan về việc hướng dẫn chạy thử Hệ thống VNACCS/VCIS, Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS hướng dẫn các Cục Hải quan tỉnh, thành phố một số nội dung liên quan tới việc cài đặt phần mềm đầu cuối hải quan để chuẩn bị và tổ chức chạy thử Hệ thống VNACCS/VCIS như sau:

1. Các máy trạm đầu cuối của công chức hải quan tại tất cả các khâu trong quy trình nghiệp vụ đều thông qua phần mềm đầu cuối để truy cập vào hệ thống VNACCS/VCIS và xử lý các nghiệp vụ trên hệ thống. Do đó các máy trạm đó phải được cài đặt phần mềm đầu cuối hải quan;

2. Các bộ phận nghiệp vụ của Cục hải quan tỉnh, thành phố tham gia vào vận hành hệ thống VNACCS/VCIS bao gồm :

- Tất cả các đội nghiệp vụ thuộc các Chi cục Hải quan;
- Các Phòng, Ban nghiệp vụ thuộc các Cục Hải quan tỉnh, thành phố (Giám sát quản lý, Thuế, Quản lý rủi ro, Kiểm tra sau thông quan, Điều tra chống buôn lậu, Tham mưu xử lý vi phạm, Đội kiểm soát);
- Trung tâm dữ liệu và Công nghệ thông tin (hoặc bộ phận phụ trách về CNTT);
- Lãnh đạo Cục.

3. Để chuẩn bị cho cài đặt phần mềm đầu cuối, Cục hải quan tỉnh, thành phố giao cho Trung tâm dữ liệu và CNTT phối hợp với các Phòng, Ban và Chi cục xác định danh sách các máy tính tại các đơn vị sẽ tham gia vào giai đoạn chạy thử VNACCS/VCIS và thực hiện cài đặt phần mềm đầu cuối lên các máy tính này theo hướng dẫn tại Phụ lục 03 kèm theo công văn này.

4. Đối với các Chi cục Hải quan chưa có máy chủ riêng cài đặt dịch vụ DHCP để cấp địa chỉ IP động thì bố trí 01 máy chủ hiện có và cài đặt dịch vụ DHCP theo hướng dẫn tại Phụ lục 01, 02 kèm theo công văn này.

5. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo về kết quả thực hiện về Ban triển khai Dự án VNACCS/VCIS và Cục CNTT và Thống kê Hải quan.

Thời hạn hoàn thành việc cài đặt phần mềm đầu cuối : Trước ngày 14/11/2013.

Trong quá trình thực hiện (nếu có vướng mắc), đề nghị liên hệ theo các đầu mối sau:

- Các vấn đề về cài đặt phần mềm đầu cuối:

+ Đ/c **Lê Quang Hoài** (Số ĐT: 0903225658; email: hoailq@customs.gov.vn);

+ Đ/c **Vũ Minh Tuấn** (Số ĐT: 09033698686; email: tuanvm2@customs.gov.vn).

- Các vấn đề về cài đặt DHCP Server:

+ Đ/c **Nguyễn Hữu Đăng** (Số ĐT: 0933367637; email: dangnh@customs.gov.vn);

+ Đ/c **Nguyễn Anh Tuấn** (Số ĐT: 01688155442; email: tuanna25@customs.gov.vn).

Phu lục đính kèm:

- *Phụ lục 01: Danh sách dải địa chỉ IP của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố;*

- *Phụ lục 02: Quy trình cài đặt máy chủ cấp địa chỉ IP động (DHCP Server);*

- *Phụ lục 03: Quy trình cài đặt phần mềm đầu cuối hải quan.*

Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS hướng dẫn để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để báo cáo);
- Các PTCT (để biết, p/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, VNACCS (5b).

TRƯỞNG BAN



PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG
Vũ Ngọc Anh



PHỤ LỤC SỐ 01:
DANH SÁCH DÀI ĐỊA CHỈ IP CỦA CÁC CỤC HẢI QUAN TỈNH,
THÀNH PHỐ

(Kèm theo công văn số **6352 /TCHQ-VNACCS** ngày **29** / **10** /2013)

1. Đối với các Cục Hải quan đã có hệ thống cấp địa chỉ IP động, đề nghị đơn vị tiếp tục sử dụng hệ thống này.
2. Danh sách và dải địa chỉ IP của các điểm chưa có máy chủ cấp địa chỉ IP động:

Stt	Địa điểm triển khai	IP LAN
1	Cục Hải quan Bắc Ninh	10.23.224.0/24
1	Chi cục Hải quan Bắc Ninh	10.23.230.0/24
2	Chi Cục Hải Quan Bắc Ninh - Quế Võ	10.23.232.0 /24
3	Chi cục Hải quan Tiên Sơn	10.23.234.0 /24
4	Chi Cục Hải Quan Thái Nguyên	10.2.238.0 /24
5	CCHQ Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang	10.8.224.0 /24
2	Cục Hải quan Lào Cai	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Mường Khương	10.53.232.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Bát Xát	10.53.234.0/24
3	Trạm KS Km6 Bản Phiệt (Kim Thành cũ)	10.53.242.0/24
4	Đội Kiểm soát Hải quan	10.53.236.0/24
5	Chi cục Kiểm tra sau thông quan	10.53.238.0/24
3	Cục Hải quan Hà Giang	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Thanh Thủy	10.51.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Phó Bảng	10.51.232.0/24
3	Chi cục Hải quan Xí Mần	10.51.234.0/24
4	Chi cục Hải quan Xám Pun	10.51.236.0/24
5	Đội Kiểm soát Hải quan	10.51.238.0/24
4	Cục Hải quan Cao Bằng	

09478033

1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Tà lùng	10.48.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Tà lùng - Đội nghiệp vụ số 2	10.48.231.0/25
3	Chi cục Hải quan cửa khẩu Trà Lĩnh	10.48.232.0/24
4	Chi cục Hải quan cửa khẩu Sóc Giang	10.48.234.0/24
5	Chi cục Hải quan Bí Hà	10.48.238.0/24
6	Chi cục Hải quan Bí Hà 2 (Lý Vạn)	10.48.243.0/24
7	Chi cục Hải quan Pò Peo	10.48.240.0/24
8	Chi cục Hải quan Bắc Kạn	10.47.224.0/24
9	Chi cục Hải quan Kiểm tra sau thông quan	10.48.242.0/24
5	Cục Hải quan Điện Biên	
1	Chi cục Hải quan CK Tây Trang	10.56.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Ma lù Thàng	10.56.232.0/24
3	Chi cục Hải quan CK Chiềng Khương	10.55.232.0/24
4	Chi cục Hải quan CK Loóng Sập	10.55.230.0/24
5	Chi cục Hải quan CK Sơn La	10.55.224.0/24
6	Chi cục Hải quan Huổi Puốc	10.56.238.0/24
6	Cục Hải quan Thanh Hoá	
1	Chi cục Hải quan Nam Định	10.6.224.0/24
2	Chi cục Hải quan Ninh Bình	10.27.224.0/24
3	Chi cục Hải quan cảng Thanh Hoá	10.28.230.0/24
4	Chi cục Hải quan cửa khẩu Na Mèo	10.28.232.0/24
5	Chi cục Hải quan Hà Nam	10.7.224.0/24
6	Đội thủ tục Cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa	10.28.234.0/24
7	Cục Hải quan Nghệ An	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Nậm Cắn	10.29.234.0/24
2	Đội Kiểm soát Hải quan số 1	10.29.236.0/24
3	Đội Kiểm soát Hải quan số 2	10.29.238.0/24
8	Cục Hải quan Hà Tĩnh	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cầu Treo	10.30.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cảng Vũng Áng	10.30.232.0/24
3	Chi cục Hải quan cảng Xuân Hải	10.30.234.0/24
4	Chi cục Hải quan Hồng Lĩnh	10.30.236.0/24
5	Chi cục Kiểm tra sau thông quan	10.30.238.0/24
6	Chi cục Khu kinh tế CKQT Cầu Treo	10.30.240.0/24



9	Cục Hải quan Thành phố Hà Nội	
1	DKS Ma Túy	10.1.243.0/24
2	Chi cục Hải quan Fedex	10.1.244.128/25
3	Đội thu tục 26 Phạm Văn Dong	10.1.245.0/24
4	Đội KSHQ	10.1.246.0/24
5	Chi cục Hải quan Phú Thọ	10.26.224.0/24
6	Chi cục Hải quan Yên Bái	10.52.224.0/24
10	Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng	
1	Chi cục Hải quan Đầu tư - Gia Công	10.2.236.0 /24
2	Chi cục Hải quan Hưng Yên	10.9.224.0 /24
3	Chi cục Hải quan Đình Vũ	10.225.14.0 /24
11	Cục Hải quan Quảng Ninh	
1	Chi cục Hải quan Móng cái	10.57.232.0/24
2	Chi cục Hải quan cảng Cẩm Phả	10.57.234.0/24
3	Trạm KS Liên hợp Km15 – Dân Tiến	10.57.242.0/24
4	Đội Kiểm soát Hải quan số 1	10.57.244.0/24
5	Đội Kiểm soát Ma túy	10.57.246.0/24
12	Cục Hải quan Lạng Sơn	
1	Đội nghiệp vụ Co Sâu	10.49.242.0/24
13	Cục Hải quan Quảng Bình	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Gianh	10.31.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo	10.31.232.0/24
3	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cà Roòng	10.31.234.0/24
4	Hòn La	10.31.236.0/24
14	Cục Hải quan Quảng Trị	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao Bảo	10.32.230.0/24
2	Chi cục Hải quan Khu thương mại Lao Bảo	10.32.232.0/24
3	Chi cục Hải quan cửa khẩu La Lay	10.32.234.0/24
4	Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cửa Việt	10.32.236.0/24
15	Cục Hải quan Thừa thiên - Huế	
1	Chi cục Hải quan Thủy An	10.33.230.0/24
2	Chi cục Hải quan Thuận An	10.33.232.0/24
3	Chi cục Hải quan Chân Mây	10.33.234.0/24
4	Đội nghiệp vụ Hồng Vân	10.33.236.0/24

09478033

5	Đội nghiệp vụ A Dớt	10.33.238.0/24
16	Cục Hải quan Quảng Nam	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Kỳ Hà	10.40.230.0/24
2	Chi cục Hải quan KCN-ĐN-ĐN	10.40.232.0/24
3	Chi cục Hải quan Nam Giang	10.40.234.0/24
17	Cục Hải quan Quảng Ngãi	
1	Chi cục Hải quan cảng Dung quất	10.43.230.0/24
2	Chi cục Hải quan các khu công nghiệp	10.43.232.0/24
3	Chi cục Hải quan Khu kinh tế dung quất	10.43.234.0/24
4	Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sa kỳ	10.43.236.0/24
18	Cục Hải quan Đà Nẵng	
1	Chi cục Hải quan Bưu Điện ĐN	10.4.240.0/24
19	Cục Hải quan Đồng Nai	
1	Chi cục Hải quan Biên Hoà	10.36.230.0/24
2	Chi cục Hải quan Thống Nhất	10.36.232.0/24
3	Chi cục Hải quan Long Bình Tân	10.36.234.0/24
4	Chi cục Hải quan KCX Long Bình	10.36.236.0/24
5	Chi cục Hải quan Nhơn Trạch	10.36.238.0/24
6	Chi cục Hải quan Long Thành	10.36.240.0/24
20	Cục Hải quan Đắk Lắk	
1	Chi cục Hải quan Đà Lạt	10.60.230.0/24
2	Chi cục Hải quan Buôn Ma Thuột	10.60.232.0/24
3	Chi cục Hải quan cửa khẩu Buprăng	10.60.232.0/24
21	Cục Hải quan Khánh Hoà	
1	Chi cục Hải quan Ba Ngòi	10.42.232.0/24
2	Chi cục Hải quan Văn Phong	10.42.234.0/24
3	Chi cục Hải quan Ninh Thuận	10.45.224.0/24
22	Cục Hải quan Gia Lai	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Bờ Y	10.59.230.0/24
2	Chi cục Hải quan thị xã Kontum	10.59.232.0/24
3	Chi cục Hải quan CK Lệ Thanh	10.59.234.0/24
23	Cục Hải quan Bình Định	
1	Chi cục Hải quan cửa Cảng Quy nhơn	10.41.230.0/24
2	Chi cục Hải quan Phú Yên	10.44.224.0/24

3	Đội Kiểm soát Hải quan	10.41.232.0/24
24	Cục Hải quan Bình Dương	
1	Chi cục Hải quan Khu KCN Tân Định	10.37.244.0/24
25	Cục Hải quan Bình Phước	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Hoa Lư	10.38.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Hoàng Diệu	10.38.232.0/24
3	Chi cục Hải quan Chợ Thành	10.38.234.0/24
26	Cục Hải quan Tây Ninh	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Xa Mát	10.39.232.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Phước Tân	10.39.238.0/24
3	Chi cục Hải quan Chàng Riệc	10.39.242.0/24
4	Chi cục Hải quan Linh Trung 3	10.39.240.0/24
27	Cục Hải quan Long An	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Mỹ Tho	10.11.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Bình Hiệp	10.11.232.0/24
3	Chi cục Hải quan cửa khẩu Hưng Điền	10.11.234.0/24
4	Chi cục Hải quan cửa khẩu Mỹ Quý tây	10.11.236.0/24
5	Chi cục Hải quan Đức Hoà	10.11.238.0/24
6	Chi cục Hải quan Bến Lức	10.11.240.0/24
28	Cục Hải quan Bà Rịa – Vũng Tàu	
1	Chi cục Hải quan CK Cảng sân bay	10.35.230.0/24
2	Chi cục Hải quan Côn Đảo	10.35.23.0/24
3	Đội Kiểm soát Hải quan	10.35.236.0/24
4	Cảng dầu khí PTSC	10.35.238.0/24
5	Cảng Bà Rịa – Serece	10.35.240.0/24
6	Cảng quốc tế SP-PSA	10.35.242.0/24
7	Đội giám sát Hải quan Phân cảng Vietsovpetro	10.35.246.0/24
8	Đội giám sát Hải quan - Cảng Cát Lờ	10.35.248.0/24
29	Cục Hải quan Cần Thơ	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Vĩnh Long	10.15.224.0/24
2	Chi cục Hải quan Bưu Điện	10.18.230.0/24
3	Chi cục Hải quan Tây Đô	10.18.232.0/24
30	Cục Hải quan Cà Mau	10.20.224.0/24
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Năm Căn	10.20.230.0/24

2	Chi cục Hải quan Hòa Trung	10.20.232.0/24
31	Cục Hải quan Kiên Giang	
1	Chi cục Hải quan CK Xà Xía	10.17.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cảng Hòn Chuông	10.17.232.0/24
3	Chi cục Hải quan Phú Quốc	10.17.234.0/24
4	Chi cục Hải quan Giang Thành	10.17.236.0/24
5	Đội Kiểm soát Hải quan	10.17.238.0/24
32	Cục Hải quan An Giang	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Mỹ Thới	10.16.230.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Mỹ Thới – Đội GS-KS Hải quan	10.16.231.0/24
3	Chi cục Hải quan cửa khẩu Vĩnh Xương	10.16.232.0/24
4	Chi cục Hải quan cửa khẩu Tịnh Biên	10.16.234.0/24
5	Chi cục hq cửa khẩu Tịnh Biên – Trạm Kiểm soát liên hợp CK	10.16.235.0/24
6	Chi cục Hải quan Khánh Bình	10.16.236.0/24
7	Chi cục Hải quan Vĩnh Hội Đông	10.16.238.0/24
8	Chi cục Hải quan cửa khẩu Bắc Đại	10.16.240.0/24
9	Chi cục Hải quan cửa khẩu Bưu Điện	10.16.242.0/24
10	Đội Kiểm soát Hải quan số 1	10.16.244.0/24
11	Đội Kiểm soát Hải quan số 2	10.16.245.0/24
33	Cục Hải quan Đồng Tháp	
1	Chi cục Hải quan cửa khẩu Sở Thượng	10.14.232.0/24
2	Chi cục Hải quan cửa khẩu Dinh Bà	10.14.234.0/24
3	Chi cục Hải quan cửa khẩu Thông Bình	10.14.236.0/24
4	Chi cục HQCK Cảng Đồng Tháp	10.14.238.0/24
34	Cục HQ Hồ Chí Minh	
1	Chi cục HQ cảng CSG KV4-ICD Phước Long 3	10.228.70.0/24
2	Chi cục HQ CSG KV4-ICD Transimex	10.228.44.0/24
3	Chi cục HQ CSG KV4-ICD Tanameco	10.228.46.0/24
4	Chi cục HQ Hiệp Phước	10.228.68.0/24



PHỤ LỤC SỐ 02:
QUY TRÌNH CÀI ĐẶT MÁY CHỦ CẤP ĐỊA CHỈ IP ĐỘNG
(DHCP SERVER)

(Kèm theo công văn số **6352 /TCHQ-VNACCS** ngày **29 / 10 /2013**)

1. Quy trình cài đặt DHCP Server trên máy chủ ứng dụng hiện có tại đơn vị chạy hệ điều hành Windows Server 2008:

1.1 Cài đặt máy chủ:

1. Login vào máy chủ mới với quyền Admin. Vào **Server Manager** → nhấn chuột vào **Manage** tại góc phải phía trên của cửa sổ **Server Manager** → **Chọn Add Roles and Features.**

2. Trong cửa sổ **Add Roles and Features** → nhấn **Next** tại phần **Before You Begin.**

3. Trong cửa sổ **Select installation Type** chọn **Role-based or feature-based installation** click **Next.**

4. Trong cửa sổ **Select destination server** chọn **Select a server from the server pool** click **Next.**

5. Trong cửa sổ **Select Server Roles** → chọn **DHCP Server** click **Next.**

6. Trong cửa sổ **Select features** click **Next.**

7. Trong cửa sổ **DHCP Server** click **Next.**

8. Trong cửa sổ **Confirm Installation selections** click **Install.**

9. Sau khi tiến trình cài đặt hoàn thành, chọn vào biểu tượng cảnh báo màu vàng tại góc trên bên phải của cửa sổ **Server Manager** chọn vào phần **Complete DHCP Configuration.**

10. Trong cửa sổ **Description** click **Next.**

11. Trong cửa sổ **Authorization** chọn **User following user's credentials,** click **Commit.**

12. Trong cửa sổ **Summary** click **Close.**

13. Vào **CMD** gõ lệnh **dhcpcmgmt.msc** để mở mang hình dịch vụ DHCP

14. Tạo và cấu hình DHCP scope:

Kích Administrative Tools → **DHCP.** Trong cửa sổ DHCP nhấp phải IPv4 và chọn **New Scope.** Sau đó nhập vào các thông tin của Chi cục Hải quan vào các mục như dưới đây.

Name:

IP Address Range: 50-254

Length: 24

Subnet Mask: 255.255.255.0

Exclusions:

Configure options:

Sử dụng các thiết lập mặc định và sau đó active scope.

1.2 Cấu hình switch tại các đơn vị triển khai (DHCP Relay)

Trong trường hợp mạng LAN tại đơn vị Hải quan (Cục/Chi cục) có chia VLAN, dải địa chỉ IP cấp phát khác lớp mạng với địa chỉ của DHCP Server, nhất thiết phải cấu hình DHCP Relay trên thiết bị trung gian. Phần lớn trong các trường hợp các đơn vị Hải quan là thực hiện trên thiết bị Switch. Các bước thực hiện:

- Truy nhập từ xa (Telnet/SSH) vào thiết bị Switch đang cấu hình làm Default Gateway của các VLAN;

- Cấu hình DHCP Relay trên Interface VLAN của dải IP cần cấp phát, sử dụng lệnh *ip helper-address <IP của DHCP Server>*

```
File Edit View Options Interface Script Tools Help
[Icons]
[Address Bar]
[Terminal Window]
interface Vlan1
description inter routing VLAN-TICHNAM
ip address 10.1.229.2 255.255.255.192
ip helper-address 10.1.224.10
ip helper-address 10.1.224.11
standby 11 ip 10.1.224.1
standby 11 priority 200
standby 11 preempt
!
interface Vlan2
description inter routing VLAN-TTB
ip address 10.1.229.66 255.255.255.192
ip helper-address 10.1.224.10
ip helper-address 10.1.224.11
standby 12 ip 10.1.224.66
standby 12 priority 200
standby 12 preempt
!
interface Vlan3
description inter routing VLAN-TQ
ip address 10.1.229.130 255.255.255.128
ip helper-address 10.1.224.10
ip helper-address 10.1.224.11
standby 13 ip 10.1.224.125
standby 13 priority 200
standby 13 preempt
!
interface Vlan4
description inter routing VLAN-LSER
ip address 10.1.229.2 255.255.255.0
ip helper-address 10.1.224.10
ip helper-address 10.1.224.11
standby 14 ip 10.1.229.1
standby 14 priority 200
standby 14 preempt
!
interface Vlan918
ip address 10.1.229.131 255.255.255.248
standby 18 ip 10.1.229.130
--More--
Ready Telnet 81, 11 41 Rows, 50 Cols N
```

09478033

2. Quy trình cài đặt DHCP Server trên máy chủ ứng dụng hiện có tại đơn vị chạy hệ điều hành Windows Server 2003.

2.1 Cài đặt máy chủ:

Logon vào máy chủ ứng dụng với quyền Admin

1. Kích vào **Start / Control Panel / Add or Remove Programs.**

2. Trong **Add or Remove Programs** hộp thoại đó nhấn **Add / Remove Windows Components.**

3. Trong **Windows Components Wizard**, nhấp vào **Networking Services** trong danh sách **Components** sau đó nhấp vào **Details.**

4. Trong **Networking Services**, bấm vào để chọn **Dynamic Host Configuration Protocol (DHCP)** check box, và sau đó nhấn **OK.**

5. Trong **Windows Components Wizard**, nhấn **Next** để bắt đầu cài đặt. Cho đĩa **Windows Server 2003 CD-ROM** vào ổ đĩa **CD-ROM** hoặc **DVD-ROM** vào máy tính nếu cần (hoặc sử dụng thư mục **I386** trong đĩa cài đặt).

6. Khi cài đặt hoàn tất, nhấn **Finish.**

7. Vào **CMD** gõ lệnh **dhcpcmgmt.msc** để mở mang hình dịch vụ DHCP

8. Tạo và cấu hình DHCP scope:

Kích Administrative Tools → DHCP. Trong cửa sổ DHCP nhấp phải IPv4 và chọn **New Scope.** Sau đó nhập vào các thông tin của **Chi cục Hải quan** vào các mục như dưới đây.

Name:

IP Address Range: 50-254

Length: 24

Subnet Mask:255.255.255.0

Exclusions:

Configure options:

Sử dụng các thiết lập mặc định và sau đó active scope.

2.2. Cấu hình switch tại các đơn vị triển khai (DHCP Relay).

Trong trường hợp mạng LAN tại đơn vị Hải quan (Cục/Chi cục) có chia VLAN, dải địa chỉ IP cấp phát khác lớp mạng với địa chỉ của DHCP Server, nhất thiết phải cấu hình DHCP Relay trên thiết bị trung gian. Phần lớn trong các trường hợp các đơn vị Hải quan là thực hiện trên thiết bị Switch. Các bước thực hiện:

- Truy nhập từ xa (Telnet/SSH) vào thiết bị Switch đang cấu hình làm Default Gateway của các VLAN;

- Cấu hình DHCP Relay trên Interface VLAN của dải IP cần cấp phát, sử dụng lệnh *ip helper-address <IP của DHCP Server>*

```

Cisco IOS Configuration:
File Edit View Options Transfer Script Tools Help

17:00:11 C:\HQ\HM

Interface Vlan1
description inter routing VLAN-TRUOCINH
ip address 10.1.225.2 255.255.255.192
ip helper-address 10.1.224.10
ip helper-address 10.1.224.11
standby 11 ip 10.1.226.1
standby 11 priority 200
standby 11 preempt

Interface Vlan12
description inter routing VLAN-TIEN
ip address 10.1.225.66 255.255.255.192
ip helper-address 10.1.224.10
ip helper-address 10.1.224.11
standby 12 ip 10.1.226.65
standby 12 priority 200
standby 12 preempt

Interface Vlan13
description inter routing VLAN-TU
ip address 10.1.225.130 255.255.255.128
ip helper-address 10.1.224.10
ip helper-address 10.1.224.11
standby 13 ip 10.1.226.129
standby 13 priority 200
standby 13 preempt

Interface Vlan14
description inter routing VLAN-USER
ip address 10.1.225.2 255.255.255.0
ip helper-address 10.1.224.10
ip helper-address 10.1.224.11
standby 14 ip 10.1.226.1
standby 14 priority 200
standby 14 preempt

Interface Vlan918
ip address 10.1.225.131 255.255.255.248
standby 18 ip 10.1.225.130
--More--

Ready                Tabset          43, 11      42 Rows, 50 Cols  M

```



PHỤ LỤC SỐ 03:
QUY TRÌNH CÀI ĐẶT PHẦN MỀM ĐẦU CUỐI HẢI QUAN
(Kèm theo công văn số **6352/TCHQ-VNACCSS** ngày **29/10/2013**)

I. Địa chỉ download

1. Bộ cài đặt phần mềm đầu cuối Hải quan và các công cụ liên quan được đặt tại địa chỉ “\\192.40.1.3\VNACCSS\Terminal Software\Installation\”;

2. Địa chỉ download [Microsoft .Net Framework 3.5] cho Windows XP
<http://www.microsoft.com/en-us/download/details.aspx?id=21>

II. Chuẩn bị tệp tin Information.ini

1. Mở tệp tin [Information_Template.xlsx];

2. Điền vào các thông tin tại sheet [Terminal Software Info];

Tham khảo thông tin có sẵn trên tệp [Information_Template.xlsx] (ví dụ về thông tin của Cục HQ Hà Nội và 03 Chi cục HQ trực thuộc).

a. IP_ADDRESS: Lần lượt điền vào dải địa chỉ IP được cấp động của tất cả các Chi cục trực thuộc. Dải địa chỉ IP động của từng Chi cục sẽ được cấp từ 10.x.x.50 – 10.x.x.254

b. BASE SERVER: Tham khảo thông tin về địa chỉ BASE SERVER tại bảng bên dưới hoặc tại sheet [Base Server Info] trong tệp [Terminal Software Info]



CỤC HẢI QUAN	BASE SERVER
Cục HQ TP Hà Nội	\\10.1.226.100\VCIS
Cục HQ TP HCM	\\10.3.226.100\VCIS
Cục HQ Hải phòng	\\10.2.226.100\VCIS
Cục HQ Quảng Ninh	\\10.57.226.100\VCIS
Cục HQ Lạng Sơn	\\10.49.226.100\VCIS
TỔNG CỤC HẢI QUAN	
Cục HQ Bắc Ninh	
Cục HQ Lào Cai	
Cục HQ Cao Bằng	
Cục HQ Hà Giang	\\10.224.150.100\VCIS
Cục HQ Lai Châu	
Cục HQ Thanh hóa	
Cục HQ Nghệ An	
Cục HQ Hà Tĩnh	
Cục HQ Đà Nẵng	
Cục HQ Quảng Bình	
Cục HQ Quảng Trị	\\10.4.226.100\VCIS
Cục HQ Thừa Thiên Huế	
Cục HQ Quảng Nam	
Cục HQ Quảng Ngãi	
Cục HQ Đồng Nai	
Cục HQ Bình Định	
Cục HQ Khánh Hoà	\\10.36.226.100\VCIS
Cục HQ Gia Lai	
Cục HQ Đắk Lắk	
Cục HQ Bình Dương	
Cục HQ Tây Ninh	\\10.37.226.100\VCIS
Cục HQ Bình Phước	
Cục HQ Long An	
Cục HQ Vũng Tàu	
Cục HQ Cần Thơ	
HQ Tỉnh Đồng Tháp	\\10.35.226.100\VCIS
Cục HQ An Giang	
Cục HQ Kiên Giang	
Cục HQ Cà Mau	

c. **TERMINAL ID:** Gồm 6 chữ số được gán theo nguyên tắc:

- 02 chữ số đầu đại diện cho Mã cục HQ hiện tại đang sử dụng (Ví dụ: 01 – Hà Nội; 02 – TP.HCM; 03 – TP.Hải Phòng);
- 04 chữ số sau được đánh từ 0001 đến 9999.

3. Lưu lại toàn bộ nội dung vừa soạn;

4. [Export] hoặc [Save as...] nội dung sheet [Terminal Software Info] thành

tệp tin [Information.csv] với định dạng CSV (Comma Delimited):

5. Đổi tên tệp tin [Information.csv] thành [Information.ini];

6. Mở tệp tin [Information.ini] bằng [NOTEPAD], xóa dòng đầu tiên chứa thông tin "IP_ADDRESS, BASE SERVER, TERMINAL_ID", sau đó lưu lại.

III. Cài đặt

1. Hướng dẫn cài đặt

a. Chạy file [Setup.msi] trong thư mục chứa bộ cài đặt CTSW_Installer.

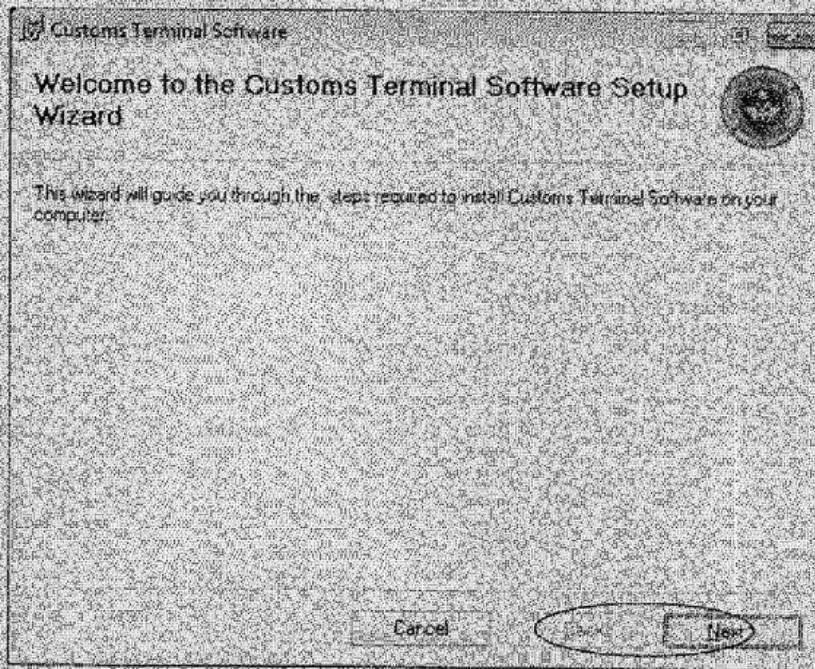
- Yêu cầu khi thực hiện cài đặt:
- Hệ điều hành máy trạm: Windows XP hoặc Windows 7 (32 bit);
- Người thực hiện cài đặt phải có quyền Administrator¹ của Windows
- Máy tính phải được thiết lập ở chế độ nhận địa chỉ IP động từ DHCP Server;
- [.NET Framework 3.5] phải được cài đặt sẵn²:
 - Đối với các máy tính đang cài đặt các ứng dụng nghiệp vụ Hải quan, có thể [.NET Framework 3.5] đã được cài đặt, nếu [.NET Framework 3.5] đã được cài đặt thì bỏ qua việc cài đặt này.
 - Đối với Windows 7, thực hiện cài đặt [.NET Framework 3.5] trong [Control Panel] → [Programs and Features] → [Turn Windows features on or off];
 - Đối với Windows XP, tại bộ cài đặt [.NET Framework 3.5] tại địa chỉ <http://www.microsoft.com/en-us/download/details.aspx?id=21> và thực hiện cài đặt

b. Khi màn hình cài đặt xuất hiện, nhấn [Next].

¹ The user other than the one with the Administrator authorization is not allowed to install. Log on as the user with the Administrator authorization, and run the installation.

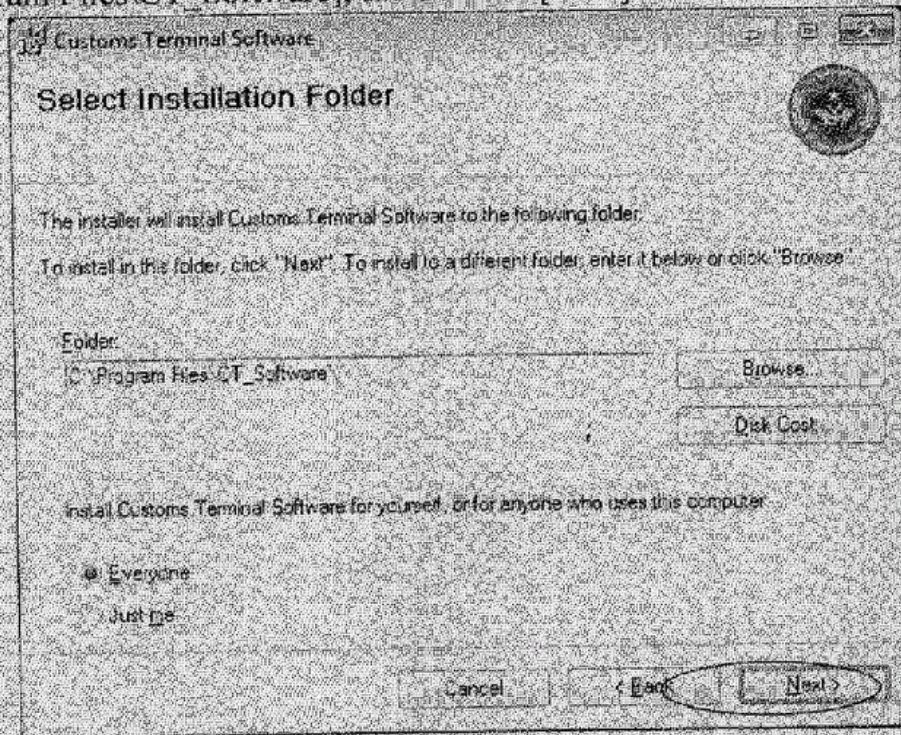
² .NET Framework 3.5.1 is a standard feature on Windows 7.



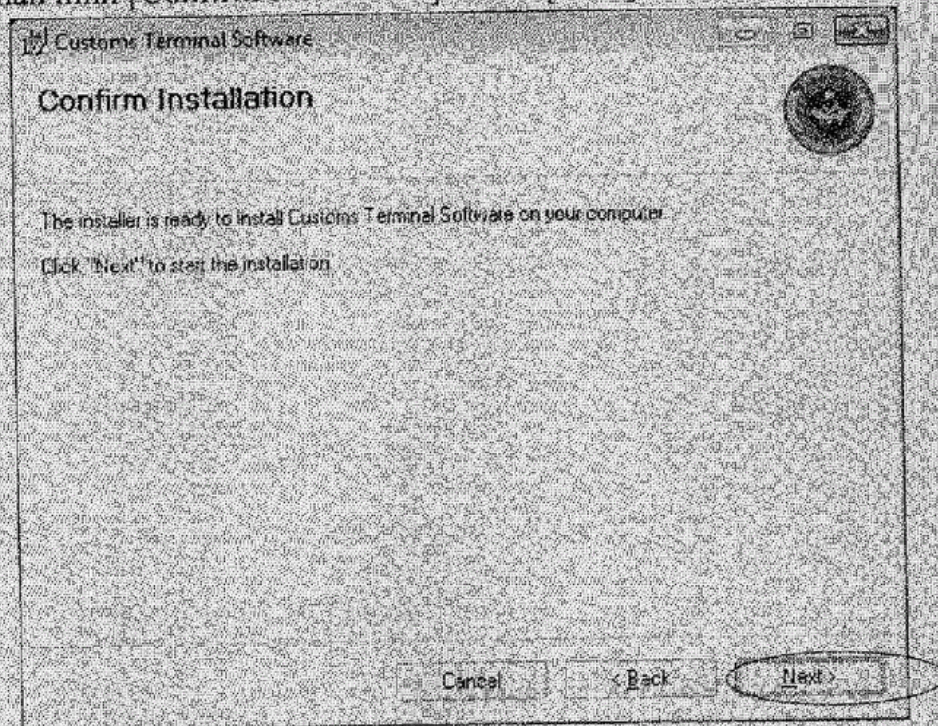


09-78055

c. Trên màn hình [Select Installation Folder], chọn đường dẫn tới thư mục [C:\Program Files\CT_Software], sau đó nhấn [Next].



d. Trên màn hình [Confirm Installation], Nhấn [Next].

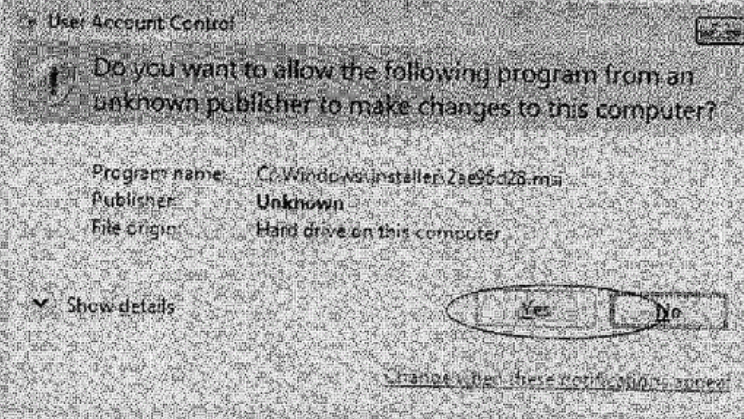


10/7/2023

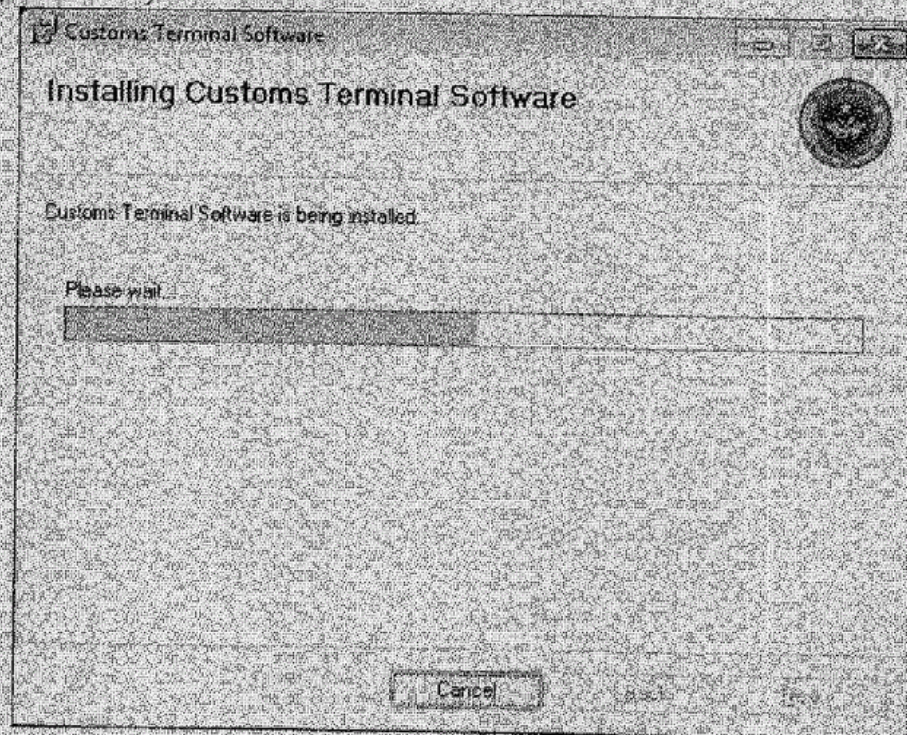
LaySoft - Tel: 84-8-3030-3703 - www.laysoft.vn



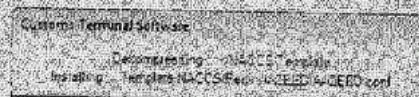
e. Nhấn [Yes] nếu xuất hiện hộp thoại [User Account Control].



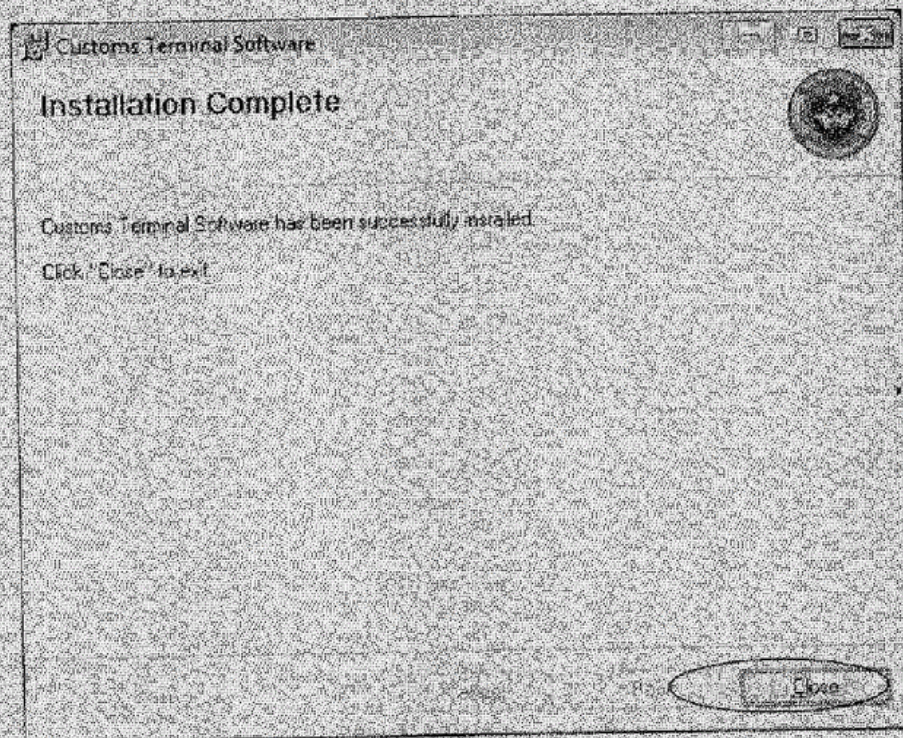
f. Quá trình cài đặt sẽ bắt đầu tiến hành (Trên màn hình sẽ xuất hiện thanh tiến trình).



Trong quá trình cài đặt, các tiến trình giải nén cũng có thể xuất hiện.



g. Màn hình [Installation Complete] thông báo quá trình cài đặt hoàn tất.
Nhấn nút [Close].



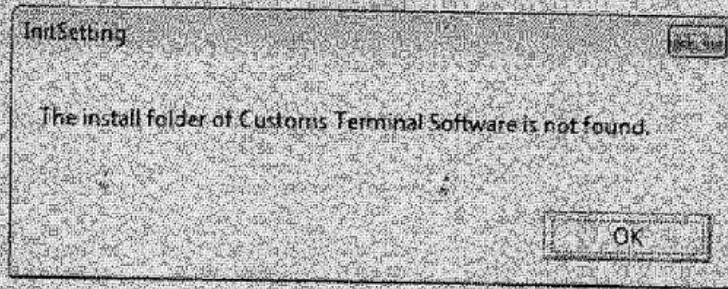
09478053

LawSoft Ltd. 84 B, 3030, 3770, 3 www.LawSoftPharm.com.VN

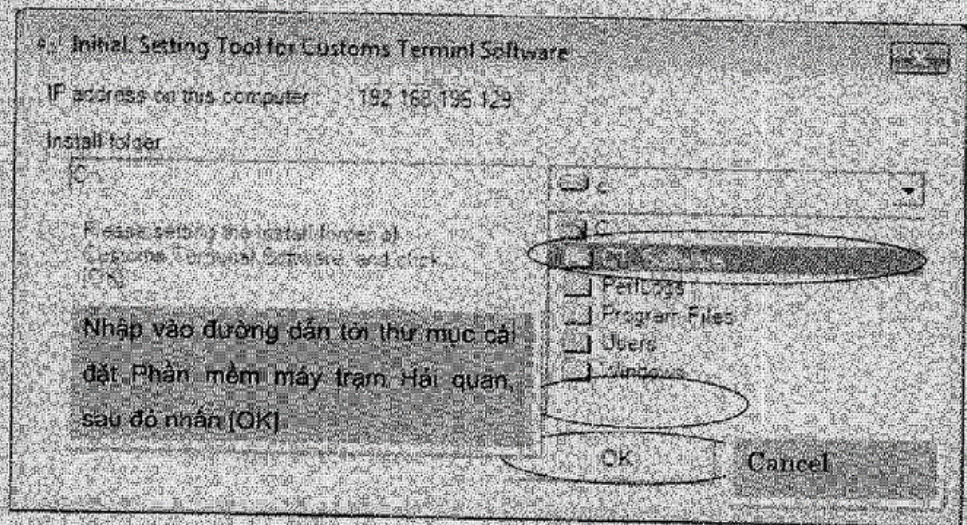


2. Thiết lập Mã số máy trạm (Terminal_ID) cho máy tính cài đặt phần mềm đầu cuối Hải quan.

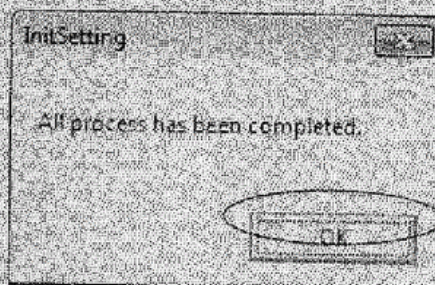
- a. Copy tệp tin Information.ini đã chuẩn bị tại bước [II.] vào thư mục [InitialSettingTool]
- b. Chạy file [InitSetting.exe]
- c. Nếu công cụ khởi tạo không tìm thấy thư mục cài đặt chương trình ở bước (III.1.3), hộp thoại sau sẽ xuất hiện.



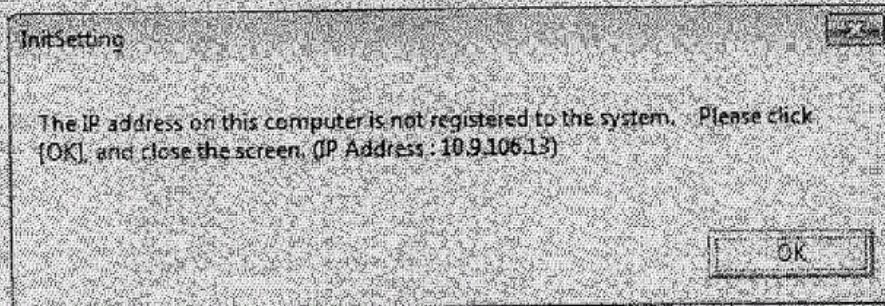
Nhấn [OK], sẽ xuất hiện hộp thoại yêu cầu nhập vào đường dẫn tới thư mục đã cài đặt phần mềm đầu cuối Hải quan.



d. Màn hình thông báo quá trình khởi tạo hoàn tất. Nhấn nút [OK].



Nếu xuất hiện màn hình sau, có nghĩa địa chỉ IP dưới (10.9.106.13) chưa được đăng ký trong tệp tin Information.ini.
Vui lòng thông báo với bộ phận soạn thảo nội dung tệp tin Information.ini để được hỗ trợ.



3. Thiết lập Mã số máy trạm (Terminal ID) cho máy tính điều khiển trung tâm (Destination Control PC).

Mỗi Cục và Chi cục sẽ xác định 01 máy trạm đóng vai trò điều khiển chính, làm nhiệm vụ phân luồng xử lý thông tin cho các máy tính trạm cài đặt phần mềm đầu cuối Hai quan.

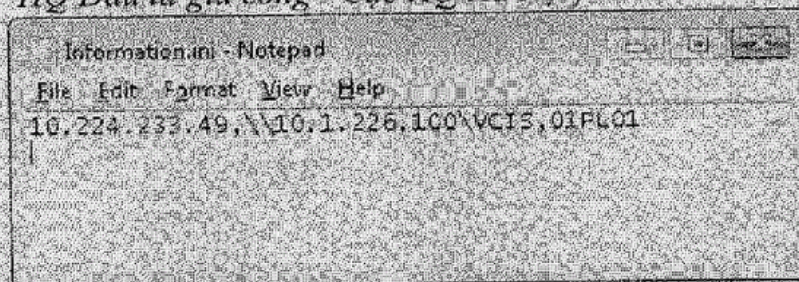
3.1. Yêu cầu khi thực hiện:

- Địa chỉ IP phải được đặt tĩnh, khác với các địa chỉ IP đã thiết lập trong tệp [Information Template.xlsx], sheet [Terminal Software Info] (Ví dụ: 10.x.x.49)
- Máy tính đóng vai trò điều khiển trung tâm phải được cài đặt sẵn phần mềm đầu cuối HQ.

3.2. Tiến hành:

a. Chuẩn bị tệp tin [Information.ini] cho máy trạm điều khiển chính

- Tham khảo thông tin tại sheet [Base Server] và [Destination Control PC] trong tệp tin [Information Template.xlsx] để thiết lập các tham số về Base Server và Terminal ID cho phù hợp với từng Cục và Chi cục HQ.
- Nội dung tệp tin Information.ini mẫu cho máy trạm điều khiển chính (VD: thông tin về máy trạm điều khiển chính của Chi cục HQ Đầu tư gia công - Cục HQ Hà Nội)



- b. Copy tệp tin Information.ini đã vào thư mục [InitialSettingTool]
- c. Thực hiện tuần tự các bước từ (III.2.b) đến (III.2.d)

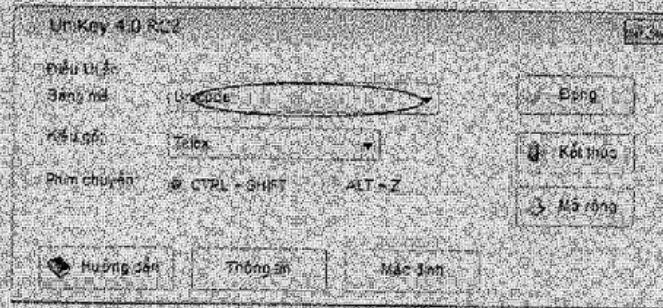
4. Bộ gõ tiếng Việt

Sử dụng phần mềm UnikeyNT với bảng mã Unicode để làm bộ gõ tiếng Việt trên chương trình.

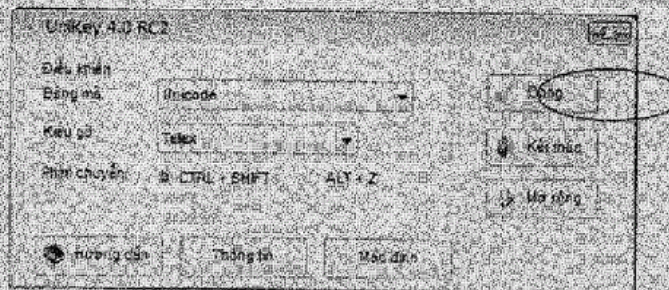
a. Biểu tượng bộ gõ tiếng Việt Unikey



b. Lựa chọn bảng mã "Unicode".



c. Nhấn nút [Đóng] để lưu lại các thiết lập.



IV. Kiểm tra thông tin kết nối đến hệ thống

Nhằm kiểm tra, xác nhận các kết nối từ máy trạm đầu cuối Hai quan đến hệ thống VNACCS/VCIS, được tiến hành như sau:

Điều kiện để kiểm tra kết nối:

- Phần mềm đầu cuối Hai quan đã được cài đặt một cách chính xác
- Terminal ID, địa chỉ máy chủ cơ sở đã được thiết lập một cách chính xác bằng cách sử dụng công cụ thiết lập khởi tạo (InitSetting)

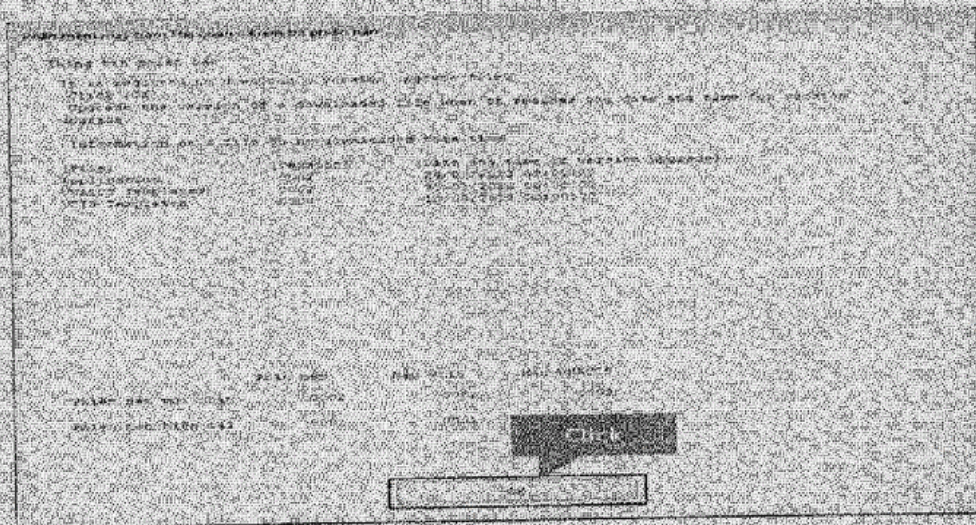
Các bước thực hiện:

Bước 1: Phiên bản nâng cấp phần mềm cho thiết bị đầu cuối Hai quan (kết nối tới máy chủ cơ sở (Base sever))

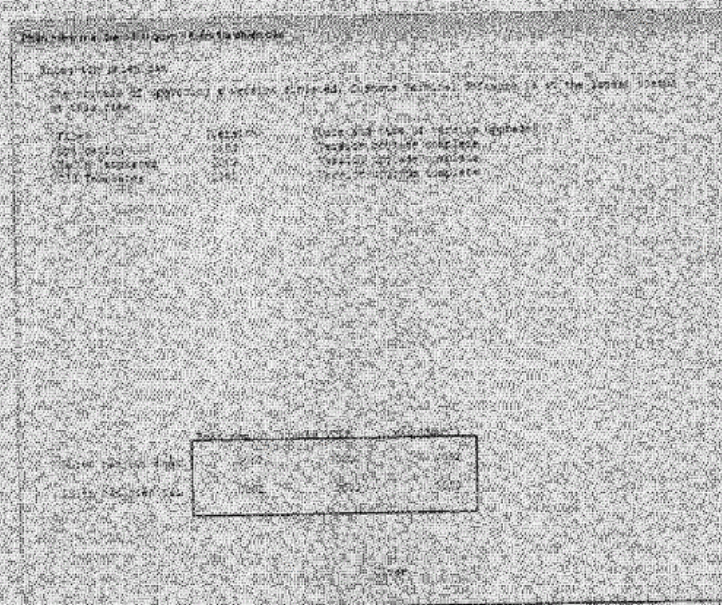
Chạy biểu tượng phần mềm ở màn hình cửa sổ



Sau khi khởi động phần mềm, màn hình kiểm tra phiên bản sẽ xuất hiện.
Nhấn nút [OK] trên màn hình.



Nếu quá trình cập nhật phiên bản thành công.

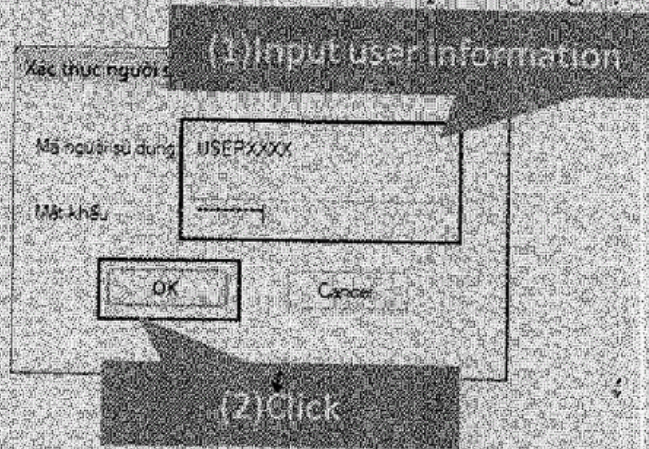


Bước 2: Đăng nhập (kết nối máy chủ SSO)

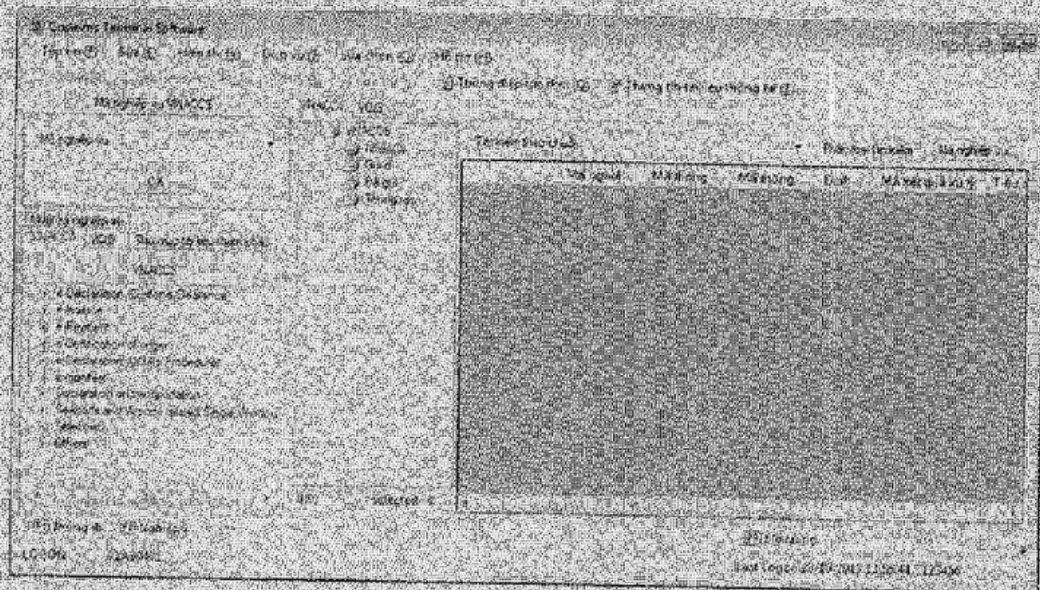


Nếu phiên bản nâng cấp được kết thúc thành công, màn hình đăng nhập sẽ xuất hiện.

Nhập tên người dùng và mật khẩu đã được cấp bởi Tổng cục Hải quan.

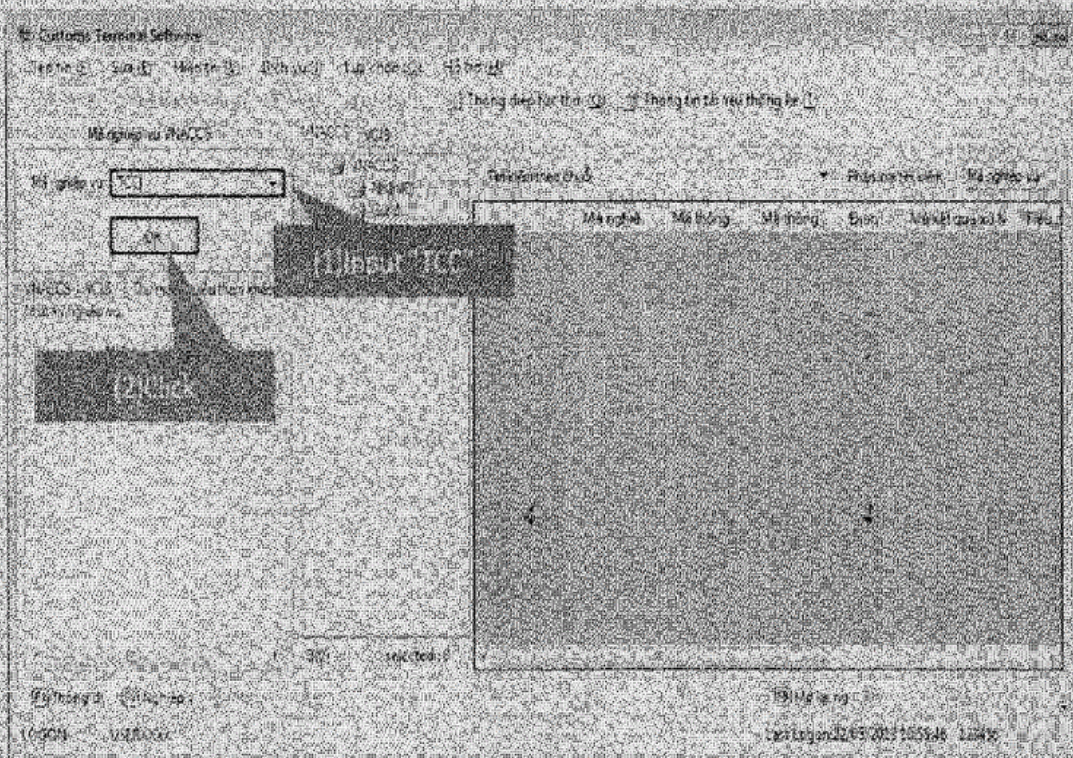


Nếu tên người dùng và mật khẩu đúng, phần mềm đầu cuối Hải quan sẽ bắt đầu và màn hình bên dưới sẽ xuất hiện.



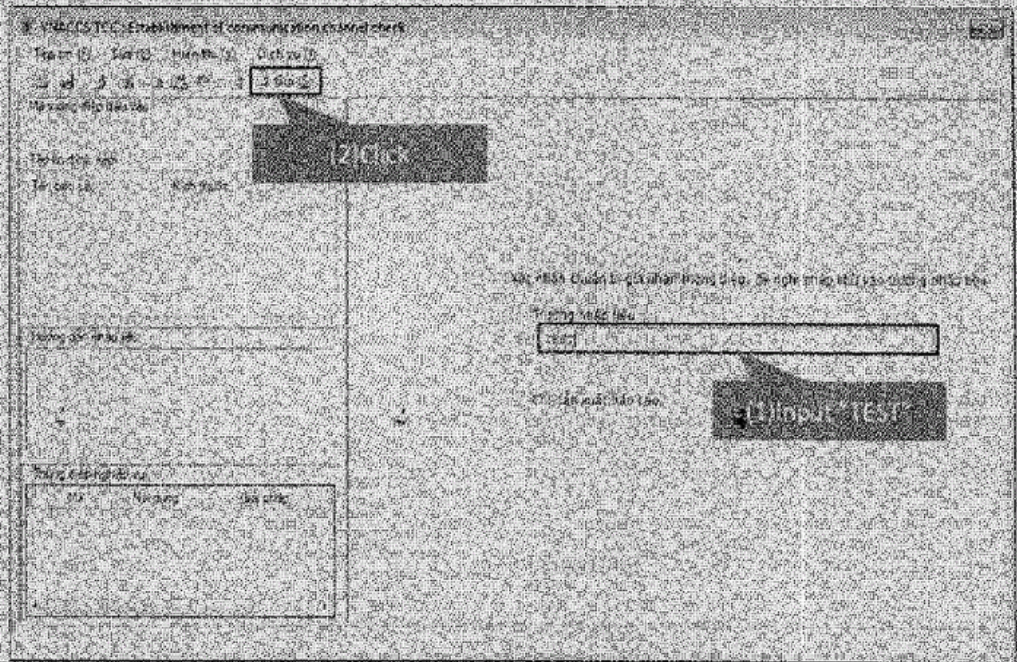
Bước 3: Kiểm tra kết nối VNACCS

Nhập chuỗi "TCC" vào hộp "Mã nghiệp vụ" trên cửa sổ "Mã nghiệp vụ VNACCS", sau đó nhấn [OK].

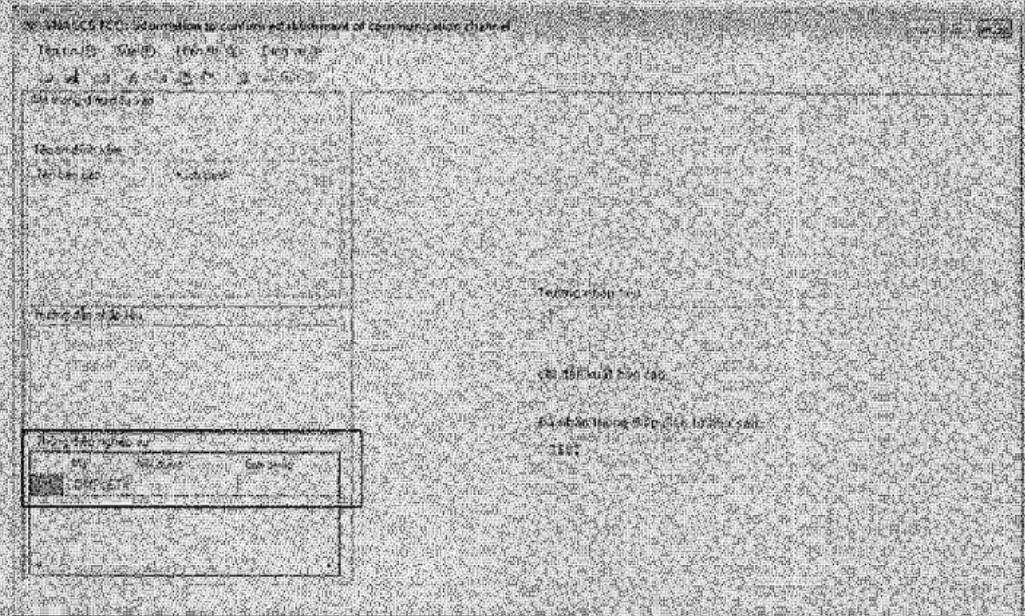


1007/2005

Màn hình xác nhận kết nối với VNAACS sẽ xuất hiện.
 Nhập chuỗi "TEST" vào ô "Trường nhập liệu" sau đó nhấn nút [Gửi].



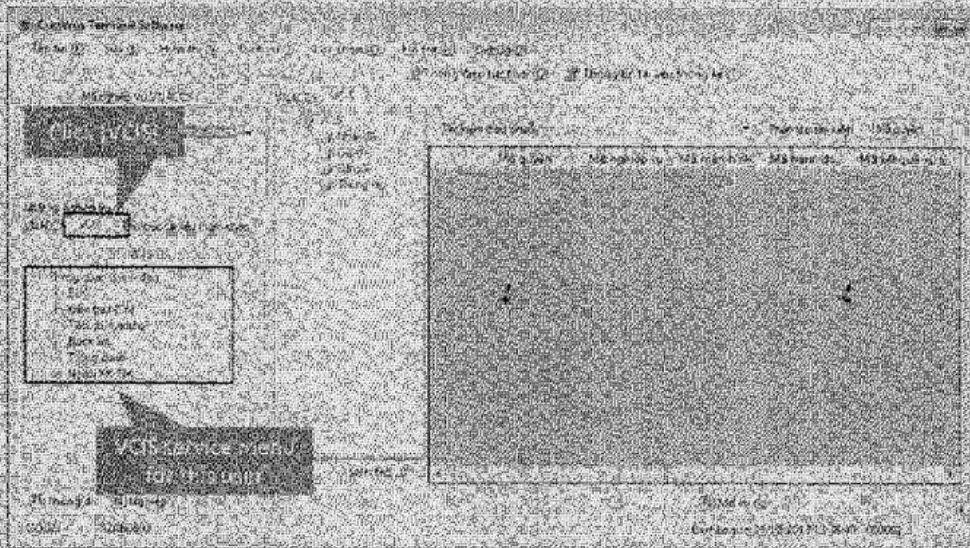
Nếu thành công, trên cửa sổ "Thông điệp nghiệp vụ" sẽ xuất hiện dòng
 "Complete" tại cột [Mã].



Bước 4: Kiểm tra các nghiệp vụ VCIS (kết nối VCIS)

Chọn tab [VCIS] trên cửa sổ "Trình đơn nghiệp vụ".

Nếu phần mềm đầu cuối kết nối được với hệ thống VCIS, danh sách các nghiệp vụ được phân quyền cho người dùng sẽ được hiển thị.



0077805

LawSoft - Tel: 84 8 3830 79 - www.LawSoft.com.vn

